Chi tiết mã HS 8702.90

Mã HS	8702.90
Mô tả hàng hóa	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 02:01:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/870290/

16 dòng thuế thuộc 8702.90

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8702.90.10	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô (bao gồm cả ô tô limousine kéo dài nhưng không bao gồm ô tô khách (1) (coaches, buses, minibuses) hoặc ô tô van)	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.21	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses), chở từ 30 người trở lên: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.29	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses), chở từ 30 người trở lên: / - - - - Loại khác	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.31	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.32	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Loại khác	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.33	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác, có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	10 / 8 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8702.90.39	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.40	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô (bao gồm cả ô tô limousine kéo dài nhưng không bao gồm ô tô khách (1) (coaches, buses, minibuses) hoặc ô tô van)	chiếc	105%	70%	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.51	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách, chở từ 30 người trở lên và được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay (SEN): / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.59	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách, chở từ 30 người trở lên và được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay (SEN): / - - - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.61	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác, chở từ 30 người trở lên: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	105%	70%	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.69	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác, chở từ 30 người trở lên: / - - - - Loại khác	chiếc	105%	70%	8 / 10 (nhiều mức)
8702.90.71	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 24 tấn	chiếc	105%	70%	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.79	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Loại khác	chiếc	105%	70%	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.80	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	105%	70%	10 / 8 (nhiều mức)
8702.90.90	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	chiếc	105%	70%	10 / 8 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.